

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2018/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 10 năm 2018

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc sửa đổi, bổ sung Điều 5 và Điều 6 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 08 ngày 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 9 sửa đổi, bổ sung Điều 5 và Điều 6 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1396/TTr-SKHĐT ngày 24/9/2018 và ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 160/BC-STP ngày 14/9/2018.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 và Điều 6 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 08 ngày 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:**

1. Định mức phân bổ vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Đối với vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng/xã/năm. Phân bổ theo thứ tự ưu tiên đối với 19 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo trong năm kế hoạch thuộc giai đoạn 2018-2020; cụ thể: Năm 2018 bố trí cho 7 xã, năm 2019 bố trí cho 6 xã, năm 2020 bố trí cho 6 xã”.

2. Phương pháp tính định mức phân bổ vốn tại điểm d khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Phương pháp tính định mức phân bổ vốn:

- Định mức phân bổ đối với xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo là 30 triệu đồng/xã/năm (trừ các xã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã lên phường, thị trấn).

- Định mức phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội = Số lượng người lao động được hỗ trợ theo kế hoạch x Định mức hỗ trợ bình quân/01 lao động.

- Định mức phân bổ vốn cho các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP:

Tổng nguồn vốn sự nghiệp cho một huyện = A x X

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện nghèo được xác định như sau:

$$A = \frac{\left( \begin{array}{c} \text{Tổng kinh phí} \\ \text{sự nghiệp của Trung ương} \\ \text{giao cho tỉnh thực hiện} \\ \text{Tiểu dự án 4} \end{array} \right) - \left( \begin{array}{c} \text{Kinh phí phân bổ} \\ \text{cho các xã ĐKKK} \\ \text{vùng bãi ngang} \\ \text{ven biển và hải đảo} \end{array} \right) \left( \begin{array}{c} \text{Kinh phí giao} \\ \text{cho Sở Lao động} \\ \text{Thương binh và Xã hội} \end{array} \right)}{\text{Tổng hệ số theo tiêu chí của các huyện nghèo trên địa bàn tỉnh}}$$

X: Tổng các hệ số theo nhóm tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo) của huyện nghèo”.

3. Điểm b Khoản 4 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 40% tổng kinh phí phân bổ thực hiện Dự án 4; giao cho Sở Thông tin và Truyền thông, UBND 6 huyện miền núi và UBND huyện Lý Sơn 60% tổng kinh phí phân bổ thực hiện Dự án 4”.

4. Điểm b, điểm a (Định mức phân bổ vốn) Khoản 5 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Tiêu chí phân bổ:

Đơn vị hành chính

Đơn vị hành chính	Hệ số
Huyện có số xã dưới 5 xã	0,06
Huyện có số xã từ 5 xã đến dưới 7 xã	0,08
Huyện có số xã từ 7 xã đến dưới 10 xã	0,10

Huyện có số xã từ 10 xã đến dưới 15 xã	0,12
Huyện có số xã từ 15 xã trở lên	0,16

*Quy mô hộ nghèo*

<b>Quy mô hộ nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 2.500 hộ	0,18
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 2.500 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,20
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,22
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ đến dưới 8.000 hộ	0,24
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 8.000 hộ trở lên	0,26

*c) Định mức phân bổ vốn:*

+ *Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan 60% tổng kinh phí phân bổ thực hiện Dự án 5 để thực hiện hoạt động nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá.*

+ *Giao UBND các huyện, thành phố 40% tổng kinh phí phân bổ thực hiện Dự án 5 để thực hiện hoạt động nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá.*

*Tổng kinh phí sự nghiệp bố trí cho một huyện, thành phố = A x X*

*Trong đó:*

*A: Định mức bình quân cho một huyện, thành phố được xác định như sau:*

$$A = \frac{\left( \begin{array}{c} \text{Tổng kinh phí sự nghiệp} \\ \text{của Trung ương giao cho tỉnh} \\ \text{thực hiện Dự án 5} \end{array} \right) - \left( \begin{array}{c} \text{Kinh phí giao cho} \\ \text{Sở Lao động Thương binh và Xã hội} \\ \text{và các sở ngành liên quan} \end{array} \right)}{\text{Tổng hệ số đơn vị hành chính của các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh}}$$

*X: Tổng các hệ số theo nhóm tiêu chí (Hệ số đơn vị hành chính + hệ số theo quy mô hộ nghèo)".*

**5. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

*“Hàng năm, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình (các huyện đồng bằng: Ngân sách huyện 5%, ngân sách tỉnh 10%; các huyện miền núi: Ngân sách huyện 2%, ngân sách tỉnh 13%); thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của UBND tỉnh. Riêng đối với nguồn kinh phí đối ứng của tỉnh tập trung thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo, căn cứ tình hình thực tế của các địa phương, giao Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí này”.*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018. Những nội dung khác của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết

định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của UBND tỉnh không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Căng**